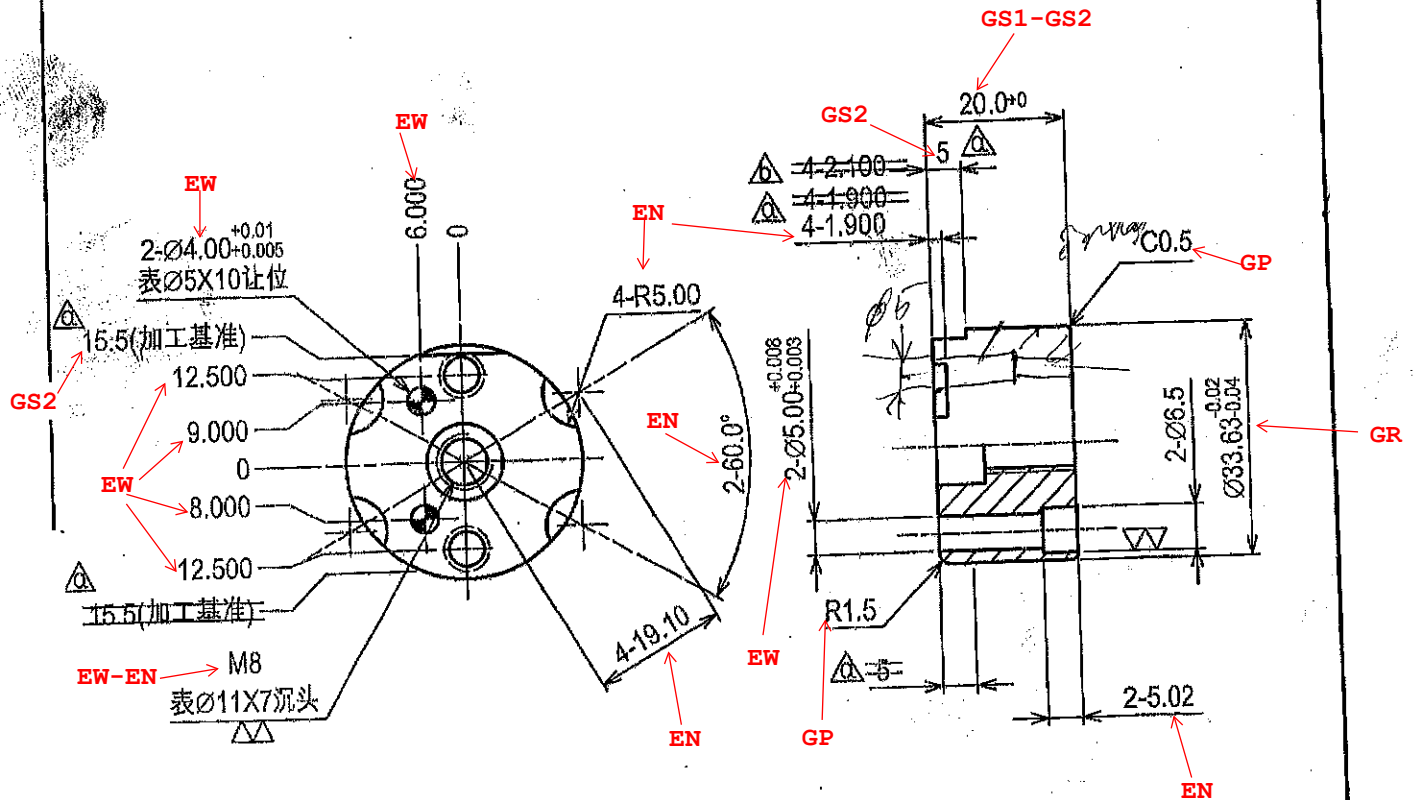


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2016/07/16	新規設計		Wang_Gan_Pei	Ya_Cheng_Jing	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0
						0.000	±0.005	0.000 -0	-0.005
△	2017/5/15	制品和下模干涉，微位处尺寸对应	YCM-XLB-1706-008	周少雄	叶长敬	0.00	±0.01	0.00 +0	+0
△	2018/3/15	生产安插对策	SS-MCM-118-11-002	王淦霖	蔡伟峰	0.0	±0.1	0.00 -0	-0.01
						0.	±0.2	0.0 +0	+0
								0.0 -0	-0.1
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
G ▽▽▽ (▽▽)									

218 009-132A.

IP



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Wang_Gan_Pei	Ye_Cheng_Jing	部品図		タイ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		DIE
HRC 0°~0°		部品図		下模
		部品図		下模
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D30/HIP)	2016/07/16	1:1		R058336

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414.0090518

T22 x 40 x 40

SNO:

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP R058336	GS1:30 EW:200 GR:90 GS2:60 EN:200 GP:40 KT